

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2015

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải (sau đây gọi tắt là Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 4 như sau:

“b) Trình tự nhận và xử lý hồ sơ:

- Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện lại hồ sơ.

- Đối với dự án có trong danh mục dự án đã công bố:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam phải thực hiện đánh giá năng lực của nhà đầu tư theo mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Trường hợp quá thời hạn nhưng Cục Hàng hải Việt Nam không có văn bản báo cáo, Bộ Giao thông vận tải xem xét, giải quyết theo đề nghị của nhà đầu tư.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án, trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản trả lời nhà đầu tư về việc chấp thuận đăng ký thực hiện dự án.”

- Đối với dự án chưa có trong danh mục dự án đã công bố:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam xem xét sự cần thiết thực hiện dự án và đánh giá năng lực của nhà đầu tư theo mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, báo cáo Bộ Giao thông vận tải chấp thuận bổ sung vào danh mục dự án, chấp thuận đăng ký thực hiện dự án và điều chỉnh kế hoạch nạo vét sử dụng ngân sách nhà nước hàng năm (nếu cần điều chỉnh). Trường hợp quá thời hạn nhưng Cục Hàng hải Việt Nam không có văn bản báo cáo, Bộ Giao thông vận tải xem xét, giải quyết theo đề nghị của nhà đầu tư.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án đi qua.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc hết thời hạn nhưng không nhận được văn bản tham gia ý kiến, Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định bổ sung vào danh mục dự án khuyến khích thực hiện xã hội hóa nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước, chấp thuận đăng ký thực hiện dự án và điều chỉnh kế hoạch nạo vét sử dụng ngân sách nhà nước hàng năm (nếu cần điều chỉnh), trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời Cục Hàng hải Việt Nam và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản trả lời nhà đầu tư.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 5 như sau:

“1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Cục Hàng hải Việt Nam về việc chấp thuận đăng ký thực hiện dự án của Bộ Giao thông vận tải, nhà đầu tư gửi Cục Hàng hải Việt Nam 01 bộ hồ sơ đề xuất thực hiện dự

án. Nhà đầu tư có thể tự thực hiện khảo sát, lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án nếu có đủ năng lực hành nghề tư vấn khảo sát, thiết kế hoặc lựa chọn tổ chức tư vấn đủ năng lực theo quy định của pháp luật.”

“3. Trình tự nhận và xử lý hồ sơ

a) Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề xuất thực hiện dự án theo quy định tại khoản 2 Điều này và cấp giấy biên nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả (nếu nhận hồ sơ trực tiếp). Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều này, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản hướng dẫn nhà đầu tư bổ sung đầy đủ hồ sơ đề xuất dự án, thời hạn bổ sung tối đa là 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đủ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam phải thẩm định, đánh giá hồ sơ đề xuất thực hiện dự án báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận hoặc chấm dứt đăng ký thực hiện dự án.”

“4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận hồ sơ đề xuất thực hiện dự án của nhà đầu tư, trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 6 như sau:

“a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Bộ Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản chấp thuận thực hiện dự án. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày chấp thuận thực hiện dự án, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức đàm phán nội dung Hợp đồng dự án với nhà đầu tư đã được lựa chọn.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc đàm phán hợp đồng dự án với nhà đầu tư, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức ký kết hợp đồng và gửi 01 bản hợp đồng đã ký tới Bộ Giao thông vận tải, 01 bản tới Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thực hiện dự án để phối hợp quản lý, giám sát.”

5. Sửa đổi Điều 8 như sau:

“Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án

1. Biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án được áp dụng dưới hình thức bảo lãnh của ngân hàng hoặc biện pháp bảo đảm khác theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án là 3% tổng mức đầu tư của dự án theo hợp đồng dự án đã ký kết.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ký kết hợp đồng dự án, nhà đầu tư phải nộp cho Cục Hàng hải Việt Nam văn bản thể hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng. Bảo đảm này có hiệu lực tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực

cho đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc ngày chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với trường hợp có quy định về bảo hành. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, nhà đầu tư phải gia hạn thời gian có hiệu lực tương ứng của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng theo một trong các cách sau đây:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án tương ứng với khối lượng công việc thực hiện trong liên danh;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án cho cả liên danh.

3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có giá trị thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Thời gian hiệu lực ngắn hơn thời gian có hiệu lực của hợp đồng dự án;

c) Không đúng tên dự án; tên nhà đầu tư hoặc tên liên danh thực hiện dự án;

d) Không phải là bản gốc hoặc không có chữ ký hợp lệ.

Trong các trường hợp này, nếu nhà đầu tư không bổ sung, hoàn chỉnh được bảo đảm thực hiện dự án khi được yêu cầu thì hồ sơ đề xuất thực hiện dự án được xác định là không hợp lệ và bị loại.

4. Nhà đầu tư được chấp thuận chấm dứt Hợp đồng dự án không phải do lỗi của mình sẽ được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản chấm dứt Hợp đồng dự án có hiệu lực, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;

d) Trường hợp nhà đầu tư là liên danh, một thành viên trong liên danh vi phạm hợp đồng thì tất cả các thành viên trong liên danh không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng.”

6. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 9 như sau:

“b) Chỉ đạo các Cảng vụ Hàng hải khu vực tổ chức phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải và tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án theo quy định tại Nghị định số 21/2012/NĐ-CP, Thông tư số 10/2013/TT-BGTVT ngày 08 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực

hiện một số điều của Nghị định số 21/2012/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 9 như sau:

“a) Trước khi triển khai thi công:

- Hoàn thành đầy đủ các thủ tục về bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu và các thủ tục liên quan khác theo quy định của pháp luật;

- Lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải theo mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này gửi Cảng vụ Hàng hải khu vực phê duyệt theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 21/2012/NĐ-CP. Trong hồ sơ trình phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải, nhà đầu tư nộp bản sao chụp văn bản chấp thuận đăng ký thực hiện dự án thay thế cho bản sao chụp quyết định đầu tư xây dựng công trình. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cảng vụ Hàng hải, cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời. Trường hợp hết thời hạn nhưng không nhận được văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, Cảng vụ Hàng hải khu vực phải thực hiện phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải theo thẩm quyền.

- Lựa chọn, ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn giám sát độc lập có năng lực để thực hiện giám sát quá trình thực hiện dự án phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cục Hàng hải Việt Nam;

- Trường hợp dự án có đò bùn, đất nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam phải lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện vận chuyển đò bùn đất nạo vét theo quy định của Thông tư số 28/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét, duy tu các tuyến luồng hàng hải do Bộ Giao thông vận tải quản lý, sử dụng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan, bảo đảm việc giám sát đò đất nạo vét chặt chẽ, nghiêm túc, đúng vị trí được chấp thuận.”

8. Bổ sung Điều 11a sau Điều 11 như sau:

“Điều 11a. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Không quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông thuộc diện tích các khu vực nạo vét, duy tu luồng hàng hải và khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thực hiện thủ tục đăng ký khối lượng sản phẩm tận thu của các dự án nạo vét, duy tu luồng hàng hải và khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển theo đề nghị của nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Chỉ đạo các cơ quan trực thuộc phối hợp với Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ Hàng hải khu vực và các cơ quan liên quan thường xuyên kiểm tra hoạt động nạo vét, duy tu luồng hàng hải và khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển; phối hợp xử lý các hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện dự án và hoạt động khai thác cát trái phép theo quy định.”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 1 Điều 13 như sau:

“a) Dừng xem xét, phê duyệt đề xuất thực hiện dự án trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Cục Hàng hải Việt Nam về việc chấp thuận đăng ký thực hiện dự án mà nhà đầu tư không nộp hồ sơ đề xuất thực hiện dự án tới Cục Hàng hải Việt Nam;

- Sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Cục Hàng hải Việt Nam mà nhà đầu tư không bổ sung hồ sơ đề xuất theo quy định.

b) Chấm dứt thực hiện dự án trong các trường hợp sau:

- Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Hàng hải Việt Nam thông báo thời gian tổ chức ký kết hợp đồng dự án nhưng nhà đầu tư không tham gia ký kết hợp đồng dự án;

- Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày ký kết hợp đồng dự án, nhà đầu tư không nộp cho Cục Hàng hải Việt Nam văn bản thể hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

- Sau 08 tháng, kể từ ngày Bộ Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận nội dung hồ sơ đề xuất thực hiện dự án nhưng nhà đầu tư không thực hiện dự án hoặc chậm thực hiện dự án mà không có lý do chính đáng được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Ban hành kèm theo Thông tư này 01 Phụ lục gồm 04 Mẫu văn bản.”

Điều 2. Bổ sung mẫu số 03 và mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này vào Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT.

Điều 3. Bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 4 và điểm e khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

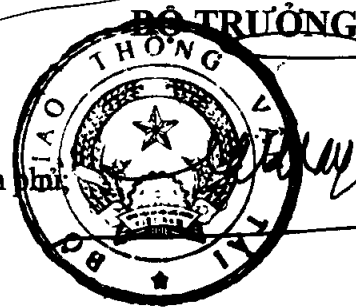
Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2015.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, CQ thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban An toàn Giao thông quốc gia;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Báo GT, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KCHT (5)



Đinh La Thăng

Mẫu số 03

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CHHVN-QLKCHTCB
V/v Đánh giá hồ sơ đăng ký thực
hiện dự án xã hội hóa nạo vét
..... theo hình thức tận thu sản
phẩm, không sử dụng ngân sách
nhà nước

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải và Thông tư số 28/2015/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT;

Xét văn bản số.....(số, ngày và tên văn bản trình đề xuất thực hiện dự án) và hồ sơ đăng ký thực hiện dự án..... của Công ty....., Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án xã hội hóa nạo vét luồng hàng hải..... theo hình thức tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước như sau:

I. Đánh giá sự cần thiết thực hiện dự án (trong đó nêu rõ sự cần thiết nạo vét? dự án đã có trong danh mục công bố xã hội hóa chưa? dự án phù hợp với quy hoạch phát triển cảng biển, luồng hàng hải, khu neo đậu, tránh trú bão không?...)

II. Đánh giá năng lực nhà đầu tư

1. Thông tin chung về nhà đầu tư

- Công ty:
- Người đại diện pháp luật:
- Địa chỉ:
- Giấy chứng nhận ĐKKD:
- Vốn điều lệ:
- Ngành nghề kinh doanh chính:

2. Bảng đánh giá năng lực thực hiện dự án của nhà đầu tư

TT	Tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá		Ghi chú
		Có	Không	
I	Tiêu chí tiên quyết			
1	Văn bản đăng ký theo mẫu			
2	Hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư			
3	Hồ sơ năng lực tài chính			
4	Hồ sơ năng lực kỹ thuật			
5	Hồ sơ năng lực nhân sự			
II	Vi phạm của nhà đầu tư			
1	Vi phạm của nhà đầu tư trong thực hiện dự án nạo vét, duy tu luồng			
2	Vi phạm khác của nhà đầu tư đăng tải trên Báo Đấu thầu và Trang thông tin điện tử về đấu thầu			
III	Tiêu chí lựa chọn	Điểm đánh giá	Điểm tối đa	
1	Dự án đăng ký		10	Điểm đánh giá được xác định của 01 trong 02 tiêu chí
-	Trong danh mục dự án đã công bố		10	
-	Ngoài danh mục dự án công bố nhưng đã có ý kiến thống nhất của Cục Hàng hải Việt Nam và UBND cấp tỉnh nơi có dự án		5	
2	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư theo quy định		15	
3	Năng lực tài chính		20	Tổng điểm của 02 tiêu chí
a	Báo cáo tài chính gần nhất của nhà đầu tư đã kiểm toán hoặc báo cáo thuế hàng năm phù hợp		12	Từ 01 đến 02 năm liên tục chấm 8 điểm, trên 02 năm liên tục chấm 12 điểm
b	Cam kết về nguồn vốn thực hiện dự án		8	
4	Năng lực kỹ thuật		20	Tổng điểm của 02 tiêu chí
a	Máy móc, thiết bị nạo vét, phương tiện vận chuyển thuộc sở hữu của nhà đầu tư		12	Dưới 05 thiết bị, phương tiện chấm 8 điểm, từ 05 thiết bị, phương tiện trở lên chấm 12 điểm
b	Máy móc, thiết bị nạo vét, phương tiện vận chuyển đi thuê hoặc liên doanh		8	Dưới 05 thiết bị, phương tiện chấm 5 điểm, từ

				05 thiết bị, phương tiện trở lên chấm 8 điểm
5	Năng lực nhân sự		15	Tổng điểm của 03 tiêu chí
a	Cán bộ quản lý		5	Theo Hợp đồng lao động
b	Cán bộ kỹ thuật		5	Theo Hợp đồng lao động
c	Công nhân viên		5	Theo Hợp đồng lao động
2	Kinh nghiệm nhà đầu tư		20	Tổng điểm của 04 tiêu chí
a	Số năm kinh nghiệm		5	
b	Quyết định hoặc hợp đồng dự án nạo vét tương tự		5	
c	Dự án nạo vét đã thực hiện		7	
d	Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm tận thu		3	
	Tổng điểm		100	

3. Nhận xét và kiến nghị

a) Nhận xét

b) Kiến nghị

Cục Hàng hải Việt Nam kính báo cáo Bộ Giao thông vận tải./.

LÃNH ĐẠO CỤC HHVN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng.....;
- Nhà đầu tư..... ;
- Cảng vụ Hàng hải ;
- Lưu VT, QLKCHTCB.

Ghi chú: Hướng dẫn đánh giá năng lực của nhà đầu tư:

- Nếu hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư thiếu một trong các tiêu chí tại Mục I của Bảng đánh giá năng lực thực hiện dự án của nhà đầu tư thì sẽ không được xét chọn để đánh giá.

- Nếu nhà đầu tư có một trong các vi phạm tại Mục II của Bảng đánh giá vẫn còn hiệu lực sẽ không xem xét để đánh giá năng lực thực hiện dự án.

Mẫu số 04

**TÊN TỔ CHỨC LẬP
PHƯƠNG ÁN ĐATHH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

...., ngày ... tháng.... năm...

PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI PHỤC VỤ THI CÔNG NẠO VẾT DỰ ÁN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

- Thông tư số 10/2013/TT-BGTVT ngày 08 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

- Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về hàng hải đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải và Thông tư số 28/2015/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2013/TT-BGTVT;

- Văn bản pháp lý công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận quản lý của Cảng vụ Hàng hải;

- Văn bản phê duyệt quy hoạch phát triển cảng biển;

- Văn bản phê duyệt quy hoạch khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu biển;

- Các văn bản phê duyệt Dự án của Bộ Giao thông vận tải và Cục Hàng hải Việt Nam.

II. TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Địa điểm thi công, xây dựng:

3. Nhà đầu tư (tên, địa chỉ):

4. Mục tiêu và quy mô đầu tư xây dựng:

5. Phạm vi và khối lượng nạo vét:

III. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN CỦA KHU VỰC DỰ ÁN

Nêu các đặc điểm nổi bật tại khu vực thực hiện Dự án về các yếu tố:

1. Đặc điểm địa hình
2. Đặc điểm địa chất
3. Điều kiện khí tượng, thủy hải văn

IV. KHỐI LƯỢNG VÀ BIỆN PHÁP THI CÔNG

1. Khối lượng thi công

Nêu tổng hợp và chi tiết khối lượng thi công nạo vét các giai đoạn, khối lượng thi công các báo hiệu hàng hải.

2. Thời gian thi công dự án

Nêu thời gian thi công đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

3. Biện pháp thi công và công tác đổ thải.

- Thiết bị thi công huy động đến công trình.
- Biện pháp thi công các hạng mục.
- Công tác đổ thải sản phẩm không tận thu theo quy định của pháp luật hiện hành.

V. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI

1. Phương tiện, thiết bị và nhân lực bảo đảm an toàn hàng hải.

1.1. Thống kê danh mục phương tiện, thiết bị

1.2. Tổng hợp nhân lực tham gia công tác BĐATHH

2. Biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải chung cho công trường

2.1. Lắp đặt hệ thống báo hiệu giới hạn khu vực thi công.

Mô tả biện pháp thi công hệ thống báo hiệu giới hạn khu vực thi công và bảng tọa độ của hệ thống báo hiệu.

2.2. Tổ chức điều tiết giao thông và kiểm tra an toàn hàng hải.

Mô tả biện pháp điều tiết giao thông đường thủy và công tác kiểm tra an toàn hàng hải.

2.3. Yêu cầu đối với thiết bị và người lao động khi thi công trên sông, biển

- Nêu các yêu cầu đối với phương tiện, thiết bị.
- Nêu các yêu cầu đối với người lao động.

3. Biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải chi tiết cho các hạng mục công việc

3.1. Tại khu vực thi công nạo vét

Mô tả biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải cho các công tác nạo vét đoạn luồng chính, luồng công vụ, khu neo đậu tránh trú bão...

3.2. Tại khu vực chuyển tải và sang mạn

Mô tả biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải đối với công tác vận chuyển sản phẩm nạo vét từ khu vực thi công đến khu vực chuyển tải và công tác chuyển tải, sang mạn.

3.3. Tại khu vực thi công hệ thống báo hiệu dẫn luồng

Mô tả biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải khi thi công hệ thống báo hiệu dẫn luồng.

VI. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC VÀ PHỐI HỢP THỰC HIỆN

Mô tả Sơ đồ tổ chức và sự phối hợp thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai Dự án.

VII. BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO VỆ SINH MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

Nêu tổng quan về đặc điểm môi trường và yếu tố cháy nổ liên quan đến Dự án và các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công.

VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ